

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 244/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B– TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ TP. B.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.B:** Ông Mai Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP.B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 662/2022/TLST - HNGĐ ngày 14/3/2022, về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/6/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 386/2022/QĐST – DS giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp 5, xã Tam A, huyện Long T, tỉnh Đồng Nai

**- Bị đơn:** Ông Vũ Xuân H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 17, khu phố 2, phường Long Bình T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.  
(Bà N có đơn xin vắng mặt, ông H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ Xuân H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2020, trên cơ sở cả hai tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Bình T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù bà và ông H đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên cho đến nay giữa bà và ông H vẫn không thể tìm được tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông H để trả tự do cho nhau.

- Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung tên Vũ Nguyễn Anh T, sinh ngày 08/11/2017 và Vũ Nguyễn Bảo K, sinh ngày 24/11/2018. Ly hôn, bà đề nghị

được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**\* Bị đơn ông Vũ Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có bản tự khai nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H.**

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:**

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của bà N, ông H không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà N yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Vũ Nguyễn Anh T, sinh ngày 08/11/2017 và Vũ Nguyễn Bảo K, sinh ngày 24/11/2018 cho bà N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông H nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Vũ Xuân H hiện cư trú tại địa bàn TP. B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP B theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Vũ Xuân H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ theo qui định tại các Điều 207; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt bà N và ông H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Vũ Xuân H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Bình T, TP. B, tỉnh Đồng Nai trên cơ sở cả hai tự nguyện nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập ông H đến Tòa làm việc nhưng ông H vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi thể hiện việc ông H không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng,

không thiết tha cuộc sống hôn nhân với bà N. Kết quả xác minh tại Công an phường Long Bình T ngày 15/4/2022 về tình hình trạng cư trú của ông H thể hiện: Ông Vũ Xuân H có đăng ký thường trú tại địa phương và hiện vẫn đang sinh sống tại địa phương. Qua kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú ngày 05/5/2022 tại Ủy ban nhân dân phường Long Bình T thì địa phương không nắm rõ mâu thuẫn giữa bà N và ông H.

Do vậy, căn cứ theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, giải quyết cho bà N được ly hôn với ông H.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà N và ông H có hai con chung tên Vũ Nguyễn Anh T, sinh ngày 08/11/2017 và Vũ Nguyễn Bảo K, sinh ngày 24/11/2018. Ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy yêu cầu và nguyện vọng nuôi con của bà N xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là chính đáng; tạm thời bà không yêu cầu ông H cấp nuôi con chung. Ông H không có mặt tại Tòa án khi Tòa triệu tập, cũng không có lời khai trình bày ý kiến về con chung.

Căn cứ theo qui định tại các Điều 81, 82, 83, 84 và 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên chấp nhận yêu cầu của bà N: Giao hai con chung tên Vũ Nguyễn Anh T, sinh ngày 08/11/2017 và Vũ Nguyễn Bảo K, sinh ngày 24/11/2018 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do chưa có lời khai của ông H nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà N phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm;

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 5, 8, 9, 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích N được ly hôn với ông Vũ Xuân H .

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Vũ Nguyễn Anh T, sinh ngày 08/11/2017 và Vũ Nguyễn Bảo K, sinh ngày 24/11/2018 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần

thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí HNGĐ-ST: Bà Nguyễn Thị Bích N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001707 ngày 09/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. B. Bà N đã nộp đủ án phí.

Bà N và ông H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Thúy**

***Nơi nhận***

- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. B;
- THADS TP.B;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Thúy**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Thúy**

***Nơi nhận***

- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THADS TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Thúy**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận***

- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THADS TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Thúy**

Hội thẩm nhân dân

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa



**Nơi nhận**

- Toà án tỉnh Đồng Nai
- VKS TP Biên Hòa
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Quyên**